

+ Thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật này;

+ Căn cứ quy định của Uỷ ban nhân dân cấp trên, bố trí công chức tư pháp – hộ tịch thực hiện việc đăng ký hộ tịch;

+ Tuyên truyền phổ biến pháp luật về hộ tịch;

+ Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định;

+ Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định;

+ Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Chính phủ;

+ Lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền.

- Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc việc khai sinh, khai tử; chịu trách nhiệm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và những vi phạm trong công tác đăng ký,

quản lý hộ tịch do buông lỏng quản lý. Công chức tư pháp

– hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, c, d, đ,

e và g khoản 1 Điều này.

# Hỏi: Nhiệm vụ, quyền hạn của công chức làm công tác hộ tịch được quy định như thế nào?

**Đáp:** Tại Điều 73 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

- Trong lĩnh vực hộ tịch, công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

+ Tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về hộ tịch;

+ Chịu trách nhiệm trước Uỷ ban nhân dân cấp xã và pháp luật về việc đăng ký hộ tịch;

+ Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;

+ Giúp Uỷ ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch kịp thời, chính xác, khách quan, trung thực; cập nhật đầy đủ các sự kiện hộ tịch đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;

+ Chủ động kiểm tra, rà soát để đăng ký kịp thời việc

sinh, tử phát sinh trên địa bàn.

Đối với địa bàn dân cư không tập trung, điều kiện đi lại khó khăn, cách xa Uỷ ban nhân dân cấp xã, công chức tư pháp – hộ tịch báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp xã cho tổ chức đăng ký lưu động đối với việc khai sinh, kết hôn, khai tử;

+ Thường xuyên trau dồi kiến thức pháp luật để nâng cao năng lực và nghiệp vụ đăng ký hộ tịch; tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Uỷ ban nhân dân hoặc cơ quan tư pháp cấp trên tổ chức;

+ Chủ động báo cáo, đề xuất Uỷ ban nhân dân cùng cấp phối hợp với cơ quan, tổ chức kiểm tra, xác minh về thông tin hộ tịch; yêu cầu cơ quạn, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để xác minh khi đăng ký hộ tịch; phối hợp với cơ quan công an cùng cấp cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

* Quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với công chức làm công tác hộ tịch của Phòng Tư pháp, viên chức ngoại giao; lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

# Hỏi: Những việc công chức làm công tác hộ tịch không được làm?

**Đáp:** Tại Điều 74 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, trì hoãn, gây khó khăn, phiền hà, nhận hối lộ khi đăng ký, quản lý hộ tịch.
* Thu lệ phí hộ tịch cao hơn mức quy định hoặc đặt ra các khoản thu khi đăng ký hộ tịch.
* Đặt ra thủ tục, giấy tờ, cố ý kéo dài thời hạn giải quyết đăng ký hộ tịch trái với quy định của Luật này.
* Tẩy xoá, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.
* Đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái quy định của Luật này.
* Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật cá nhân mà biết được qua đăng ký hộ tịch.
* Công chức làm công tác hộ tịch vi phạm các quy định tại Điều này thì tuỳ tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH**

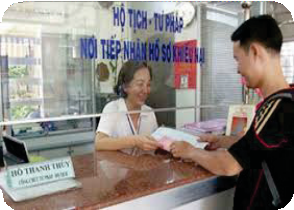
**PHÒNG TƯ PHÁP**

TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỘ TỊCH

NĂM 2014

***Phú Ninh, tháng 9 năm 2023***





# Hỏi: Nguyên tắc đăng ký hộ tịch được quy định như thế nào?

**Đáp:** Tại Điều 5 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Tôn trọng và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân.
* Mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác; trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.
* Đối với những việc hộ tịch mà Luật này không quy định thời hạn giải quyết thì được giải quyết ngay trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.
* Mỗi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký tại một cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền theo quy định của Luật này.

Cá nhân có thể đăng ký hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi đang sinh sống. Trường hợp cá nhân không đăng ký tại nơi thường trú thì Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã, cơ quan đại diện nơi đã đăng ký hộ tịch cho cá nhân có trách nhiệm thông báo việc đăng ký hộ tịch đến Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đó thường trú.

* Mọi sự kiện hộ tịch sau khi đăng ký vào sổ hộ tịch phải được đăng ký kịp thời, đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.
* Nội dung khai sinh, kết hôn, ly hôn, khai tử, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại giới tính, xác định lại dân tộc của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch là thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
* Bảo đảm công khai, minh bạch thủ tục đăng ký hộ tịch.

# Hỏi: Quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của cá nhân bao gồm?

**Đáp:** Tại Điều 6 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch. Quy định này cũng được áp dụng với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.
* Trường hợp kết hôn, nhận cha, mẹ, con thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Đối với việc đăng ký hộ tịch khác hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thì người có yêu cầu trực tiếp hoặc uỷ quyền cho

người khác thực hiện. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết việc uỷ quyền.

* Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thông qua người đại diện pháp luật.

# Hỏi: Phương thức yêu cầu và tiếp nhận yêu cầu đăng ký hộ tịch được quy định như thế nào?

**Đáp:** Tại Điều 9 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Khi yêu cầu đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan đăng ký hộ tịch hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tiếp.
* Khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch, cá nhân xuất trình giấy tờ chứng minh nhân thân cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp hồ sơ gửi qua hệ thống bưu chính thì

phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh nhân thân.

* Đối với những việc đăng ký hộ tịch có quy định thời hạn giải quyết, thì người tiếp nhận hồ sơ phải viết giấy tiếp nhận; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không

hợp lệ thì phải hướng dẫn bằng văn bản để người đăng ký hộ tịch bổ sung, hoàn thiện. Văn bản hướng dẫn phải ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ bổ sung.Trường hợp người có yêu cầu nộp hồ sơ không đúng cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyển thì người tiếp nhận hướng dẫn người đi đăng ký hộ tịch đến cơ quan có thẩm quyền để nộp hồ sơ.

**Hỏi: Lệ phí hộ tịch được thực hiện như thế nào? Đáp:** Tại Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau:

+ Đăng ký hộ tịch người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

+ Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

* Cá nhân yêu cầu đăng ký sự kiện hộ tịch khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch phải nộp lệ phí. Bộ tài chính quy định chi tiết thẩm quyền thu, mức thu, nộp chế độ quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch.

# Hỏi: Trách nhiệm thông báo khi có sự thay đổi hộ tịch được quy định như thế nào?

**Đáp:** Tại Điều 30 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này, Toà án nhân dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyển, có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định đến Uỷ ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch; trường hợp nơi đăng ký hộ tịch là Cơ quan đại diện thì thông báo cho Bộ Ngoại giao để chuyển đến cơ quan đại diện ghi vào sổ Sổ hộ tịch.
* Trường hợp thay đổi quốc tịch thì việc thông báo được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc tịch.

# Hỏi: Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định như thế nào?

**Đáp:** Tại Điều 31 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau: Ngay sau khi nhận được thông báo theo quy định tại Điều

30 của Luật này, công chức tư pháp- hộ tịch ghi nội dung thay

đổi vào Sổ hộ tịch theo bản án, quyết định của Toà án nhân dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

# Hỏi: Thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc được quy định như thế nào?

**Đáp:** Tại Điều 46 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người nước ngoài có thẩm quyền giải quyết việc cải chính, bổ sung hộ tịch đối với người nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
* Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã đăng ký hộ tịch trước đây có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.
* Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc.

# Hỏi: Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

**Đáp:** Tại Điều 71 Luật Hộ tịch năm 2014, quy định sau:

* Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch tại địa phương và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: